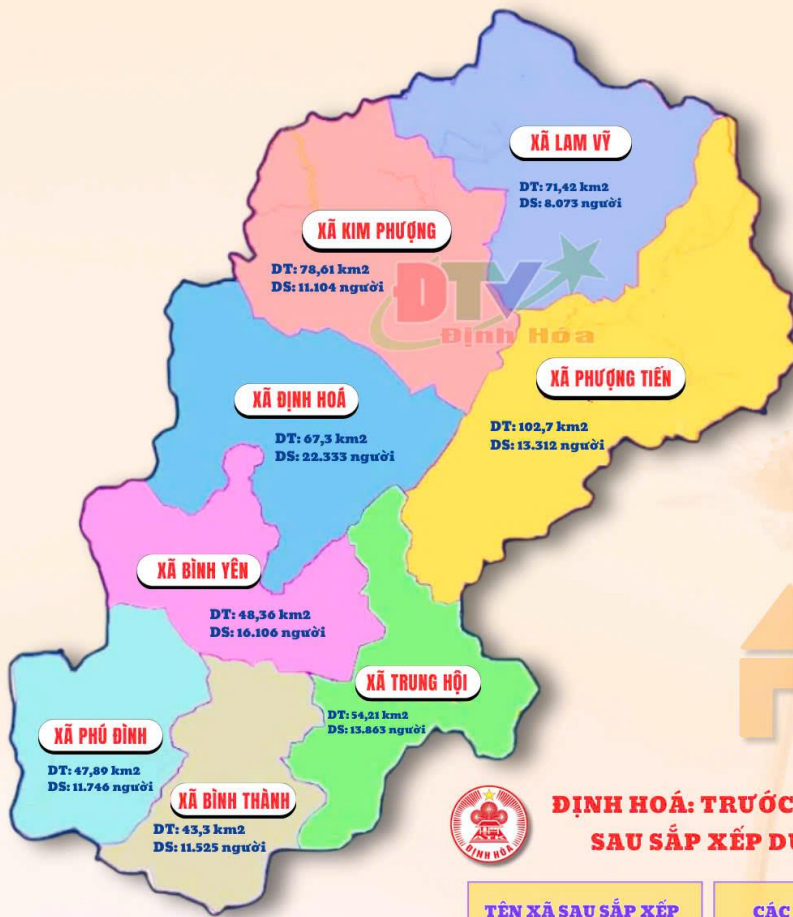


ĐỊNH HOÁ

DỰ KIẾN CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH MỚI SAU SẮP XẾP



**ĐỊNH HOÁ: TRƯỚC SẮP XẾP CÓ 22 XÃ, THỊ TRẤN
SAU SẮP XẾP DỰ KIẾN CÒN 8 XÃ NHƯ SAU:**



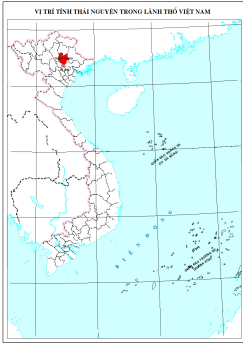
TRUYỀN HÌNH ĐỊNH HOÁ

TÊN XÃ SAU SẮP XẾP	CÁC XÃ SẮP XẾP	TRỤ SỞ LÀM VIỆC
1. Xã Định Hoá	TT Chợ Chu • Phúc Chu • Đổng Thịnh • Bảo Linh	Trụ sở UBND huyện
2. Xã Bình Yên	Bình Yên • Định Biên • Thanh Định • Trung Lương	Xã Bình Yên
3. Xã Phượng Tiến	Phượng Tiến • Tân Thịnh • Tân Dương	Xã Tân Dương
4. Xã Kim Phượng	Quy Kỳ • Kim Phượng	Kim Sơn (cũ)
5. Xã Lam Vỹ	Lam Vỹ • Linh Thông	Xã Lam Vỹ
6. Xã Trung Hội	Trung Hội • Phú Tiến • Bộc Nhiều	Xã Trung Hội
7. Xã Phú Đình	Phú Đình • Diêm Mặc	Xã Phú Đình
8. Xã Bình Thành	Sơn Phú • Bình Thành	Xã Bình Thành

BẢN ĐỒ TỈNH THÁI NGUYÊN

TỈNH BẮC KẠN

TỈNH LẠNG SƠN



TỈNH TUYỀN QUANG

TỈNH VINH PHÚC

TỈNH BẮC GIANG

TP. HÀ NỘI

CHÚ GIẢI	
	Biên giới tỉnh
	Biên giới huyện
	Đường bộ
	Đường sắt
	Sông, suối
	Hồ
	Thị trấn
	Làng

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã (theo T.Đ.Đ.Đ.)	Diện tích tự nhiên (km ²)	Quy mô dân số (người)
1	Phường Phúc Dịch Phong	14,71 km ² (71,18%)	111.482 người (538.97%)
2	Phường Lũt Sơn	39,28 km ² (71,18%)	46.733 người (311.55%)
3	Phường Tích Lương	23,56 km ² (428,30%)	25.279 người (383.23%)
4	Phường Quý Sơn	22,47 km ² (440,89%)	24.894 người (399.97%)
5	Phường Quý Thôn	24,43 km ² (444,18%)	29.933 người (442.54%)
6	Phường Quan Tru	24,72 km ² (449,49%)	42.292 người (281.95%)
7	Xã Tân Cương	57,92 km ² (57,92%)	25.225 người (450,21%)
8	Xã Tân Phú	107,41 km ² (1,074%)	30.239 người (274,45%)
9	Xã Đại Từ	69,42 km ² (69,42%)	27.821 người (548,42%)
10	Xã An Khánh	69,90 km ² (69,90%)	13.181 người (263,62%)
11	Xã Phú Thái	45,37 km ² (45,37%)	21.333 người (424,40%)
12	Xã Tân Lập	69,44 km ² (69,44%)	20.777 người (344,74%)
13	Xã Phú Lạc	58,07 km ² (58,07%)	21.807 người (422,21%)
14	Xã An Khánh	45,89 km ² (45,89%)	20.104 người (402,08%)
15	Xã Quý Sơn	70,34 km ² (70,34%)	11.896 người (240,92%)
16	Xã Tân Phú	51,2 km ² (51,2%)	22.862 người (375,05%)
17	Xã Phú Xuân	64,58 km ² (64,58%)	23.051 người (461,08%)
18	Phường Phú Yên	40,70 km ² (40,70%)	49.162 người (234,10%)
19	Phường Tân Xuân	40,20 km ² (40,20%)	41.408 người (293,38%)
20	Phường Trung Thôn	25,84 km ² (449,82%)	37.075 người (176,55%)
21	Xã Phú Thuận	74,10 km ² (74,10%)	29.051 người (493,67%)
22	Xã Thanh Công	42,45 km ² (42,45%)	25.261 người (176,76%)
23	Xã Phú Hải	44,17 km ² (44,17%)	44.847 người (296,70%)
24	Xã Tân Thành	69,05 km ² (69,05%)	25.724 người (54,48%)
25	Xã Đại Từ	42,03 km ² (42,03%)	41.889 người (261,67%)
26	Xã Tân Sơn	37,45 km ² (37,45%)	42.248 người (244,40%)
27	Xã Tân Khánh	40,51 km ² (40,51%)	35.724 người (148,55%)
28	Xã Đại Từ	53,72 km ² (53,72%)	21.812 người (426,24%)
29	Xã Phú Xuân	56,65 km ² (56,65%)	39.837 người (234,74%)
30	Xã Tân Phú	82,48 km ² (82,48%)	37.837 người (544,54%)
31	Xã Tân Phú	65,45 km ² (65,45%)	34.737 người (534,74%)
32	Xã Tân Phú	96,36 km ² (96,36%)	19.035 người (198,72%)
33	Xã Tân Phú	55,27 km ² (55,27%)	16.803 người (196,80%)
34	Phường Sông Công	13,89 km ² (254,18%)	21.409 người (166,10%)
35	Phường Tân Xuân	21,13 km ² (21,13%)	20.065 người (495,55%)
36	Phường Bắc Quang	35,02 km ² (686,75%)	26.688 người (124,99%)
37	Xã Phú Lương	112,90 km ² (112,90%)	45.954 người (475,28%)
38	Xã Tân Phú	83,53 km ² (83,53%)	36.253 người (265,70%)
39	Xã Tân Phú	112,65 km ² (112,65%)	23.541 người (470,08%)
40	Xã Tân Phú	41,20 km ² (41,20%)	39.828 người (234,54%)
41	Xã Tân Phú	47,30 km ² (47,30%)	22.833 người (444,40%)
42	Xã Tân Phú	48,36 km ² (48,36%)	34.106 người (333,17%)
43	Xã Tân Phú	54,21 km ² (54,21%)	13.803 người (277,36%)
44	Xã Tân Phú	102,7 km ² (102,7%)	13.512 người (244,24%)
45	Xã Tân Phú	47,40 km ² (47,40%)	11.744 người (234,92%)
46	Xã Tân Phú	41,30 km ² (41,30%)	11.535 người (230,51%)
47	Xã Tân Phú	71,42 km ² (71,42%)	10.073 người (144,40%)
48	Xã Tân Phú	99,78 km ² (99,78%)	17.406 người (355,18%)
49	Xã Tân Phú	144,28 km ² (144,28%)	18.390 người (337,87%)
50	Xã Tân Phú	146,73 km ² (146,73%)	4.554 người (131,08%)
51	Xã Tân Phú	146,73 km ² (146,73%)	4.554 người (131,08%)
52	Xã Tân Phú	71,45 km ² (71,45%)	12.269 người (245,38%)
53	Xã Tân Phú	119,18 km ² (119,18%)	14.669 người (292,35%)
54	Xã Tân Phú	96,79 km ² (96,79%)	3.286 người (481,72%)

TỶ LỆ 1:75 000